

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11-8-2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Ly

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hằng

Bà Nguyễn Thị Mùa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Văn Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 43/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 28/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Kp. L, phường L, T phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Ông **Võ Đình S**, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Võ Đình S, sinh năm 1984 kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước ngày 19/9/2013.

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, khác biệt về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, từ năm 2014 đến nay bà và ông S sống ly thân.

Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Võ Đình S.

Về con chung: Bà và ông S có một con chung là Võ Thị T, sinh ngày 16/12/2013; khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Võ Đình S vắng mặt nên không có bản lời khai:

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn đều thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về hướng giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn tự nguyện sống chung với nhau có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, sau đó phát sinh mâu thuẫn và hiện đã sống ly thân. Nay, nguyên đơn có nguyện vọng được ly hôn và yêu cầu được nuôi con chung. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T, giải quyết cho bà T được ly hôn với ông S; giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản và nợ chung bà T không yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông Võ Đình S có hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại Thôn 2, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Căn cứ vào các Điều 28; 35; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51; 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Võ Đình S vắng mặt không có lý do. Xét thấy bị đơn ông S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ 2, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ

luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông S được hình T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước ngày 19/9/2013, đúng theo quy định pháp luật, là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử thấy: Bà T trình bày trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã xúc phạm nhau và từ năm 2014 đến nay vợ chồng bà sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, ngày 13/6/2022 Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương nơi ông S cư trú được biết vợ chồng ông S bà T đã sống ly thân khoảng 10 năm nay. Từ những căn cứ trên cho thấy hôn nhân giữa ông S, bà T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

Về con chung: Bà và ông S có một con chung là Võ Thị T, sinh ngày 16/12/2013; khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con cho đến khi con trưởng T đủ 18 tuổi. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt nhiều lần cho ông S nhưng ông S không hợp tác cũng không có ý kiến gì về việc nuôi con. Xét thấy nhằm bảo đảm quyền lợi, cũng như sự ổn định của con chưa T niên và nguyện vọng của con muốn được sống với mẹ. Do đó, cần giao con chung cho bà T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tại phiên tòa là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban

Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Võ Đình S.

Về việc nuôi con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi con chung tên Võ Thị T, sinh ngày 16/12/2013 cho đến khi con trưởng T đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của luật này; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các T viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các T viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006142 ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- THADS huyện Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Hải Ly

